

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGUYỄN BÌNH  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mã Nguyệt Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Tuyết .

2. Bà Hoàng Thị Lê .

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nông Thị Đ, sinh năm 1988.

Nơi ĐKTT: Xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ A khu dân cư P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 13-12-2024).

**2. Bị đơn:** Ông Ngô Đức T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn - bà Nông Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ kết hôn với ông T năm 2008, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là xã V), huyện N, tỉnh Cao Bằng. Từ năm 2012 đến năm 2015, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm, cãi chửi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Đến năm 2015, bà Đ vào miền N sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con: Bà Đ và ông T có 01 con chung tên Ngô Đức M, sinh ngày 20-9-2008. Cháu M đang sống với ông T tại xóm Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, bà Đ yêu cầu ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Thị Đ và ông Ngô Đức T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T kết hôn với bà Đ tháng 8 năm 2008, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là xã V). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau không thể hoà hợp được. Vợ chồng và hai bên gia đình đã cố gắng hoà giải nhưng không khắc phục được. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2015, bà Đ đã bỏ vào Miền Nam sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, nay bà Đ yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý với yêu cầu của bà Đ.

Về con chung: Ông T và bà Đ có 01 con chung tên Ngô Đức M, sinh ngày 20-9-2008. Từ trước tới nay, cháu M sống với ông T tại xóm Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31-10-2024, cháu Ngô Đức M trình bày: Cháu M không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa bố mẹ, mẹ cháu bỏ vào Miền Nam sinh sống đã lâu, cháu không nhớ rõ mẹ đi từ thời gian nào. Trong thời gian sống với bố, cháu M được bố nuôi dưỡng, chăm sóc cho đi học đầy đủ. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu M muốn tiếp tục sống với bố.

Ngày 09-12-2024, Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên họp, ông Ngô Đức T có mặt, bà Nông Thị Đ có đơn xin vắng mặt do đó Toà án không tiến hành hoà giải được mà chỉ công khai tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị, bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Đức T; yêu cầu ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Ngô Đức M cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi; bà Đ, ông T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông T có mặt tại phiên tòa, ông T đồng ý với yêu cầu của bà Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại

phiên toà: Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án được tiến hành giải quyết theo thủ tục thông thường và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi các văn bản cho cơ quan tiến hành tố tụng và việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng khác đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Nông Thị Đ được ly hôn với ông Ngô Đức T. Về nuôi con chung chấp nhận như ý kiến của hai bên. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nông Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Đức T. Ông T trú tại xóm Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà Đ, ông T xác định được ông T và bà Đ kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là xã V) huyện N, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hôn nhân hợp pháp, được Nhà nước công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn. Bà Đ và ông T đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau. Đến năm 2015, bà Đ bỏ vào M sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Bà Đ, ông T đều nhận thấy không còn tình cảm, không thể hàn gắn quay lại chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đều đồng ý ly hôn do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc ly hôn với ông T.

[4] Về nuôi con chung: Bà Đ và ông T đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Ngô Đức M, sinh ngày 20-9-2008. Hiện nay, cháu M đang sống với ông T tại xóm Đ, xã V, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, bà Đ yêu cầu ông T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con cho đến đủ 18 tuổi. Ông T đồng ý với yêu cầu của bà Đ về việc nuôi con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà Đ là phù hợp với điều kiện thực tế của hai bên và đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

[5] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Thị Đ và ông Ngô Đức T đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nông Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nông Thị Đ được ly hôn với ông Ngô Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01 giữa Ngô Đức T và Nông Thị Đ đăng ký ngày 14-10-2008 tại Ủy ban nhân dân xã M (nay là xã V), huyện N, tỉnh Cao Bằng không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Ngô Đức M, sinh ngày 20-9-2008 cho ông Ngô Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bà Đ được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Đ và ông T đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về chia tài sản chung và nợ chung:** Bà Nông Thị Đ và ông Ngô Đức T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Bà Nông Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003064 ngày 31-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND xã Vũ Minh;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mã Nguyệt Thu**